TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2018/DSST
Ngày: 05/10/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thân.

2. Ông Trần Công Quan.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viên kiểm sát nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Ông Trần Việt Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở của Tòa án nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án thụ lý số: 130/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 94/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2018/QĐST-DS ngày 12/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: đường N, Phường M, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984; địa chỉ: đường N, Phường M, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 521/UQ-TTT ngày 15/3/2018); (vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thu D, sinh năm 1977; địa chỉ: Chung cư P, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 15/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Đức T trình bày:

Ngày 07/7/2010, bà Lê Thị Thu D có ký tên đăng ký cấp thẻ ghi nợ theo mẫu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là S) cung cấp. Sau khi đối

chiếu với các điều kiện về mức lương của bà D, S đồng ý cấp cho bà D thẻ tín dụng mang số: 4862650000484551, hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất thỏa thuận được quy định trong bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của S theo từng thời kỳ, cụ thể: mức lãi suất trong hạn là 25.8%/năm tương đương 2.15%/tháng, mức lãi suất nợ quá hạn là: 25.8%/năm x 150% = 38.7%/năm tương đương 3.225%/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà D thanh toán không đầy đủ cho S nên đến ngày 23/7/2014, S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số nợ của bà D sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 05/10/2018, bà D còn nợ số tiền gốc là 18.232.000 đồng và tiền lãi là 30.104.064 đồng.

Nay ông T là người đại diện theo ủy quyền của S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D có nghĩa vụ trả ngay cho S số tiền còn nợ, bao gồm số nợ gốc là 18.232.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/10/2018 là 30.104.064 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Thu D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 25/9/2018, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Quận 11, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên về việc phân công Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 18.232.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/10/2018 là 30.336.064 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Phiên toà xét xử vụ án được mở vào lúc 08 giờ 00 ngày 12/9/2018 và 08 giờ 00 phút ngày 05/10/2018, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo về thời gian, địa điểm xét xử nêu trên nhưng bị đơn vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét

xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS).

[1] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bà D có nghĩa vụ trả ngay số tiền nợ là 18.232.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/10/2018 là 30.104.064 đồng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bà Lê Thị Thu D, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ 18.232.000 đồng nợ gốc và tiền lãi nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 (BLTTDS) thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do bà D không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như bà D chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ ghi nợ ngày 07/7/2010 có chữ ký và ghi tên Lê Thị Thu D và S đã cấp thẻ tín dụng số 4862650000484551 cho bà Lê Thị Thu D; hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng.

Tại Giấy đề nghị cấp thẻ ghi nợ trên, bà D đã cam kết chịu sự ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của S. Căn cứ nội dung tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của S và Biểu lãi suất do ngân hàng phát hành trong từng thời kỳ, Quyết định và thông báo về việc điều chỉnh lãi suất cho vay đối với thẻ tín dụng trả trước thì lãi suất nợ trong hạn là 25.8%/năm.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà D không thanh toán đầy đủ cho S là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 23 trong bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của S. Ngày 23/7/2014 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi suất nợ quá hạn là 38.7%/năm tương đương 3.225%/tháng là phù hợp với quy định tại các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và hướng dẫn tại Thông tư số 02/2011/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 14/4/2010 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 18.232.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/10/2018 là 30.104.064 đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả là 48.336.064 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Buộc bà Lê Thị Thu D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 18.232.000 đồng (mười tám triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 05/10/2018 là 30.104.064 đồng (ba mươi triệu một trăm lẻ bốn nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng).

Bà D còn phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số nợ gốc là 18.232.000 đồng (mười tám triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tính từ ngày 06/10/2018 cho đến khi trả hết số nợ trên theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ ghi nợ lập ngày 07/7/2010, Bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Thu D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.416.803 đồng (hai triệu bốn trăm mười sáu nghìn tám trăm lẻ ba đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.103.547 đồng (một triệu một trăm lẻ ba nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/20008555 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

5. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, bà Lê Thị Thu D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Quỳnh Anh